

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Lớp dạy 10/9
Ngày soạn: 10/11/2025
Thời gian thực hiện: 15 tuần

CHUYÊN ĐỀ 2. ĐÔ THỊ HÓA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về đô thị hóa theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.
- Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. Phân biệt được quy mô của các đô thị. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển.
- Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển.
- Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ được với thực tế Việt Nam.
- So sánh được đặc điểm đô thị hóa giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển.
- Xác định được trên bản đồ thế giới một số siêu đô thị.
- Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cấp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Sử dụng được bản đồ để xác định được tỉ lệ dân thành thị, quy mô dân số đô thị.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
 - + Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đô thị hóa.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

- **Chăm chỉ:** Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- **Trung thực** trong học tập.

- **Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục đích: HS nhớ lại những kiến thức về

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân: Xem ảnh và nhận diện các đô thị.

* Câu hỏi: Đoán tên thành phố ứng với bức ảnh nhìn thấy?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tên các thành phố.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu một số hình ảnh về đô thị ở nước phát triển và nước đang phát triển và tổ chức cho HS chơi trò đoán tên thành phố như Tô-ky-ô (Nhật Bản), Xin-ga-po (Singapore), Niu Oóc (Hoa Kỳ), TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam),...

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Đô thị hóa là xu thế tất yếu của thế giới và mỗi quốc gia. Đô thị hóa có tác động toàn diện đến mọi mặt của xã hội loài người. Đô thị hóa là gì? Đô thị hóa ở các nước phát triển và các nước đang phát triển khác nhau như thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đô thị hóa

a) Mục đích: HS phân tích được khái niệm đô thị hóa và ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.

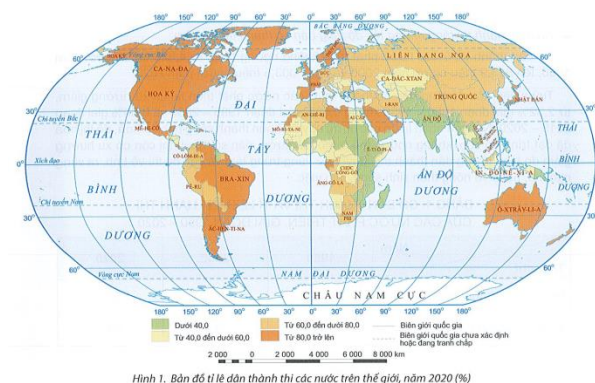
b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tìm hiểu về đô thị hóa.

* Nhóm 1, 3: Đọc thông tin trong mục 1, hãy trình bày khái niệm đô thị hóa?

* Nhóm 2, 4: Dựa vào thông tin mục 2 và hình 1, hãy:

+ Nêu ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị?

+ Nhận xét sự phân hóa về tỉ lệ dân thành thị của các nước, năm 2020?



c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. ĐÔ THỊ HÓA

1. Khái niệm đô thị hóa

+ Theo nghĩa hẹp: Đô thị hóa là quá trình phát triển đô thị, với biểu hiện đặc trưng là tăng quy mô dân số và diện tích đô thị.

+ Theo nghĩa rộng: Đô thị hóa không chỉ là quá trình tăng quy mô dân số đô thị và mở rộng diện tích đô thị, mà còn bao gồm cả những thay đổi về phân bố dân cư, cơ cấu dân số, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và trong lối sống, văn hóa, tổ chức không gian môi trường sống.

- Nguồn gốc của đô thị hóa là sự phát triển kinh tế-xã hội. Quá trình đô thị hóa gắn liền với sự hình thành và phát triển công nghiệp, dịch vụ. Đô thị hóa càng mạnh thì tỉ lệ lao động phi nông nghiệp càng tăng nhanh, càng thúc đẩy năng suất lao động xã hội tăng lên, làm cho kinh tế-xã hội ngày càng phát triển.

- Đô thị hóa làm tăng tỉ lệ dân đô thị và mở rộng lãnh thổ đô thị, đồng nghĩa làm giảm tỉ lệ dân nông thôn và thu hẹp lãnh thổ nông thôn $\Rightarrow$ đô thị hóa cũng chính là quá trình chuyển người nông thôn thành người đô thị, chuyển lao động nông nghiệp thành lao động phi nông nghiệp, chuyển vùng đất nông thôn thành vùng đất đô thị.

2. Ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị

- Tỉ lệ dân thành thị là sự tương quan giữa số dân thành thị so với tổng số dân trên một lãnh thổ nhất định.

$$\text{Tỉ lệ dân thành thị (\%)} = \frac{\text{Số dân thành thị}}{\text{Tổng số dân}} \times 100$$

- Tỉ lệ dân thành thị có ý nghĩa quan trọng:

+ Nhìn chung, tỉ lệ dân thành thị là chỉ báo về mức độ đô thị hóa của một quốc gia. Tỉ lệ dân thành thị lớn thường thể hiện mức độ đô thị hóa cao.

+ Tỉ lệ dân thành thị cho biết trình độ phát triển kinh tế-xã hội của một quốc gia. Nhìn chung, những khu vực và các nước có tỉ lệ dân thành thị cao có hoạt động kinh tế phát triển hơn và chất lượng cuộc sống của dân cư cũng cao hơn những khu vực và quốc gia có tỉ lệ dân thành thị thấp.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 7 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước phát triển (Phần: Đặc điểm đô thị hóa)

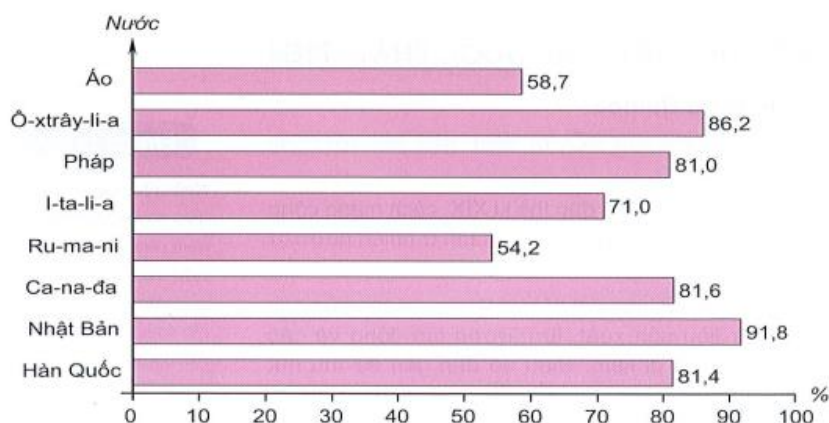
a) Mục đích: HS phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động nhóm để tìm hiểu về đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển.

Nhóm	Hình/Bảng	Phân tích đặc điểm
1		Quá trình đô thị hóa diễn ra sớm, gắn liền với công nghiệp hóa
2	Bảng 1	Số dân thành thị tăng nhưng tốc độ tăng dân số thành thị lại giảm
3	Hình 2	Tỉ lệ dân thành thị cao nhưng không đều giữa các khu vực, các nước
4		Số lượng đô thị tăng chậm hơn ở các nước đang phát triển

**BẢNG 1. SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ
CỦA CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN, GIAI ĐOẠN 1950-2020**

Năm	1950	2000	2020
Tiêu chí			
Số dân thành thị (triệu người)	446,3	883,9	1003,5
Tỉ lệ dân thành thị (%)			



Hình 2. Tỉ lệ dân thành thị của một số nước phát triển, năm 2020

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

1. Đặc điểm đô thị hóa

* *Quá trình đô thị hóa diễn ra sớm, gắn liền với công nghiệp hóa*

- Vào cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, cách mạng công nghiệp diễn ra $\Rightarrow$ đô thị hóa nhanh ở nhiều nước tư bản châu Âu và Bắc Mỹ.

- Sản xuất công nghiệp đòi hỏi sự tập trung cao của các xí nghiệp, tư liệu sản xuất, lực lượng lao động và các hoạt động dịch vụ đi kèm $\Rightarrow$ thu hút lượng lớn dân cư, xuất hiện các đô thị có chức năng công nghiệp. Nhờ quá trình đô thị hóa và quá trình công nghiệp hóa gắn liền với nhau mà các đô thị thường có quy hoạch đồng bộ về cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước,...). Cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu lao động xã hội chuyển biến theo.

Em có biết: Nước phát triển là các nước có trình độ cao, đã hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, có công nghệ tiên tiến, thu nhập bình quân đầu người cao,... Phần lớn các nước phát triển thuộc châu Âu, Bắc Mỹ, châu Đại Dương.

* *Số dân thành thị tăng nhưng tốc độ tăng dân số thành thị lại giảm*

- Số dân thành thị ở các nước phát triển không ngừng tăng.

Năm	1950	2000	2020
Số dân thành thị (triệu người)	446,3	883,9	1003,5

- Tốc độ tăng dân số thành thị ở các nước phát triển lại có xu hướng giảm.

Giai đoạn	1950-1955	1995-2000	2015-2020
Tốc độ tăng dân số thành thị (%)	2,32	0,58	0,50

+ Nguyên nhân: các nước này đã hoàn thành công nghiệp hóa, đô thị hóa đã đạt trình độ cao, không những thế ở một số nước, dân số thành thị còn có xu hướng giảm do hiện tượng dân thành thị chuyển từ vùng trung tâm về các đô thị vệ tinh, ra vùng ngoại ô hoặc về nông thôn sinh sống, làm việc.

* *Tỉ lệ dân thành thị cao nhưng không đều giữa các khu vực, các nước*

- Tỉ lệ dân thành thị của phần lớn các nước phát triển đều cao hơn mức trung bình của thế giới và của các nước đang phát triển.

Khu vực	Thế giới	Các nước phát triển
Tỉ lệ dân thành thị trung bình (%)	56,2	79,1

Tuy nhiên, cũng có sự chênh lệch giữa các khu vực và các nước.

- Năm 2020, các khu vực có tỉ lệ dân thành thị như:

Nước	Tỉ lệ dân thành thị
Bắc Mỹ	82,6
Bắc Âu	82,6
Tây Âu	80,2
Đông Á	64,0
Đông Âu	69,9

- Tỉ lệ dân thành thị cũng có sự khác nhau rõ rệt giữa các nước.

* *Số lượng đô thị tăng chậm hơn ở các nước đang phát triển*

- Các siêu đô thị (Niu Ốc và Tô-ky-ô) ra đời đầu tiên ở các nước phát triển, sau đó mới xuất hiện và phát triển ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, đến năm 2020 trên toàn thế giới có 34 siêu đô thị thì các nước phát triển chỉ có 6 siêu đô thị trong số đó.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 7 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước phát triển (Phần: Sự thay đổi quy mô đô thị)

a) **Mục đích:** HS phân biệt được quy mô của các đô thị.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để tìm hiểu về sự thay đổi quy mô đô thị ở các nước phát triển.

* Câu hỏi: Đọc thông tin mục 2, hình 3 và bảng 2, hãy:

- + Phân biệt quy mô đô thị hóa ở các nước phát triển.

+ Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số của các siêu đô thị ở các nước phát triển trong giai đoạn 1950-2020.

BẢNG 2. QUY MÔ DÂN SỐ CỦA CÁC SIÊU ĐÔ THỊ Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN, GIAI ĐOẠN 1950-2020

Năm	1950	2000	2020
Siêu đô thị			
Tô-ky-ô (Nhật Bản)	11,3	34,5	34,7
Ô-xa-ca (Nhật Bản)	7,0	18,7	19,2
Niu O óc (Hoa Kỳ)	12,3	17,8	18,8
Mát-x cơ-va (Liên bang Nga)	5,4	10,0	12,5
Lốt An-giơ-lét (Hoa Kỳ)	4,0	11,8	12,4
Pa-ri (Pháp)	6,3	9,7	11,0
Tổng cộng	46,3	102,5	111,3



Hình 3. Bản đồ một số siêu đô thị trên thế giới, năm 2020

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Sự thay đổi quy mô đô thị

- Dựa vào quy mô dân số, các nước phát triển phân đô thị thành 5 loại:

- + Đô thị nhỏ có số dân từ 0,3 → < 1 triệu dân.
- + Đô thị trung bình có số dân từ 1 → < 5 triệu dân.
- + Đô thị lớn có số dân từ 5 → < 10 triệu dân.
- + Đô thị cực lớn (siêu đô thị) có số dân từ > 10 triệu dân.

- Năm 2020, ở các nước phát triển có 470 đô thị, trong đó có 345 đô thị nhỏ, 105 đô thị trung bình, 14 đô thị lớn, 6 siêu đô thị.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để đưa ra câu trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

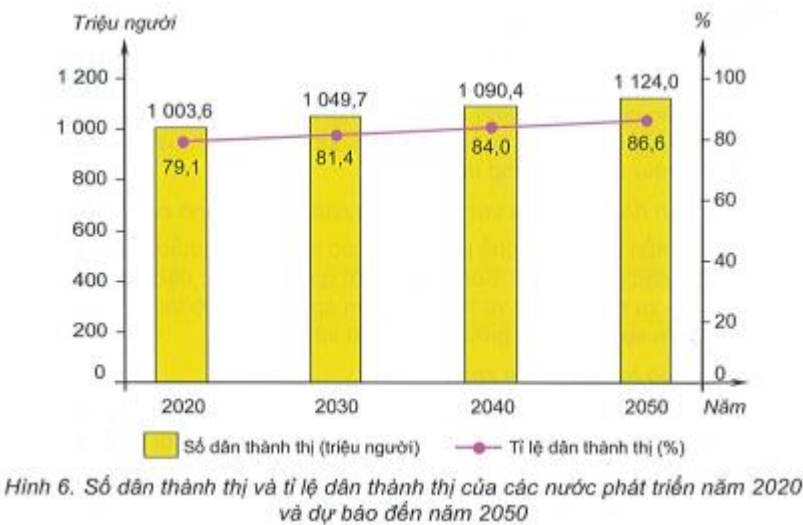
- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.4. Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước phát triển
(Phần: Xu hướng đô thị hóa)**

- a) Mục đích:** HS nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển.
- b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động nhóm để tìm hiểu về xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển.

Nhóm	Hình/Bảng	Phân tích xu hướng đô thị hóa
1 + 4	Hình 6	Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị vẫn tăng nhưng với tốc độ chậm.
2 + 5	Bảng 3	- Quy mô dân số đô thị hóa, nhất là siêu đô thị ít thay đổi. - Các đô thị mở rộng ra vùng ngoại ô.
3 + 6		- Ưu tiên phát triển đô thị nhỏ và vừa, đô thị vệ tinh xung quanh các đô thị lớn. - Tái tạo đô thị theo hướng đô thị xanh.



BẢNG 3. DỰ BÁO QUY MÔ DÂN SỐ CỦA CÁC SIÊU ĐÔ THỊ Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN, GIAI ĐOẠN 2025-2035

Năm	2025	2030	2035
Siêu đô thị			
Tô-ky-ô (Nhật Bản)	37,0	36,6	36,0
Ô-xa-ca (Nhật Bản)	18,9	18,7	18,3
Niu Oóc (Hoa Kỳ)	19,2	19,9	20,8
Mát-xcơ-va (Liên bang Nga)	12,7	12,8	12,8
Lốt An-giơ-lét (Hoa Kỳ)	12,7	13,2	13,8
Luân Đôn (Anh)	9,8	10,2	10,6
Xơ-un (Hàn Quốc)	10,0	10,2	10,3

- c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

3. Xu hướng đô thị hóa

** Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị vẫn tăng nhưng với tốc độ chậm*

- Theo dự báo, từ năm 2020 đến 2050, số dân thành thị của các nước phát triển sẽ tăng thêm 120,4 triệu người, bình quân mỗi năm tăng khoảng 4 triệu người.
- Cũng trong giai đoạn này, tỉ lệ dân thành thị của các nước phát triển tăng thêm 7,5%, trung bình mỗi năm tăng thêm 0,25%.
- Tốc độ tăng dân số thành thị có xu hướng giảm và ở mức thấp, dự báo còn 0,44% (giai đoạn 2025-2030) và 0,28% (giai đoạn 2045-2050).

** Quy mô dân số đô thị hóa, nhất là siêu đô thị ít thay đổi*

- Trong tương lai, số dân ở các đô thị, đặc biệt là các siêu đô thị của các nước phát triển sẽ hầu như không tăng thêm. Thậm chí, phần lớn các đô thị ở châu Âu và Bắc Mỹ còn xảy ra tình trạng giảm dần số dân.

** Các đô thị mở rộng ra vùng ngoại ô*

- Tại nhiều quốc gia phát triển, người dân đang có xu hướng rời bỏ trung tâm để về sống ở ngoại thành, đây là hệ quả tất yếu khi các đô thị lớn đạt tới một ngưỡng phát triển nhất định.

- Người dân các nước này thích sống ở vùng ven đô hơn trong những trung tâm thành phố đất đỏ.

- Mặc dù ở ngoại ô nhưng người dân vẫn có cuộc sống hiện đại và không chịu áp lực như ở vùng trung tâm đô thị.

** Ưu tiên phát triển đô thị nhỏ và vừa, đô thị vệ tinh xung quanh các đô thị lớn*

- Các nước phát triển đang hạn chế phát triển các siêu đô thị nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của các siêu đô thị.

- Song song với quá trình đó, các nước sẽ ưu tiên phát triển các đô thị vừa và nhỏ, đô thị vệ tinh để giảm áp lực cho đô thị lớn, mở rộng đô thị ra xung quanh và giảm sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị.

** Tái tạo đô thị theo hướng đô thị xanh*

- Các đô thị sẽ được đầu tư cải tạo và chuyển đổi theo hướng gắn với thiên nhiên.

- Môi trường đô thị được cải thiện và chức năng của đô thị cũng thay đổi từ đô thị công nghiệp thành đô thị dịch vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước đang phát triển

(Phần đọc: Điểm đô thị hóa)

a) Mục đích: HS phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển.

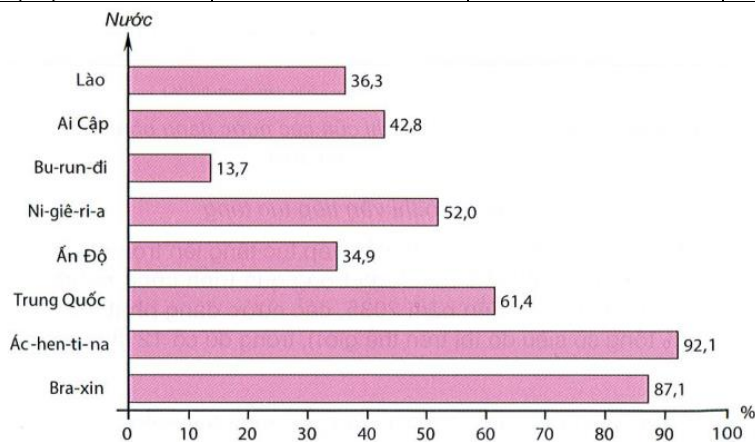
b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động nhóm để tìm hiểu về đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển.

Nhóm	Hình/Bảng	Phân tích đặc điểm
1	Bảng 4	Đô thị hóa diễn ra muộn, gắn liền với bùng nổ dân số và công nghiệp hóa.
2	Hình 7	Số dân thành thị tăng nhanh dẫn đến tốc độ tăng dân số thành thị cao.
3		Tỉ lệ dân thành thị nhìn chung còn thấp và có sự khác biệt giữa các khu vực và các nước.
4		Số lượng các đô thị và quy mô đô thị đều tăng nhanh.

BẢNG 4. SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN, GIAI ĐOẠN 1950-2020

	Năm	1950	2000	2020
Tiêu chí				

Số dân thành thị (triệu người)	304,6	1984,4	3375,4
Tỉ lệ dân thành thị (%)	17,7	40,1	51,7



Hình 7. Tỉ lệ dân thành thị của một số nước đang phát triển, năm 2020

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

1. Đặc điểm đô thị hóa

* *Đô thị hóa diễn ra muộn, gắn liền với bùng nổ dân số và công nghiệp hóa*

- Sự bùng nổ dân số (nhất là từ giữa thế kỉ XX) đã kéo theo sự “bùng nổ” đô thị hóa, với đặc trưng là làn sóng di dân từ nông thôn vào các thành phố để tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập. Hình thành nhiều đô thị ở các nước đang phát triển như: Thượng Hải (Trung Quốc), Niu Đê-li (Ấn Độ), Mê-hi-cô Xi-ti (Mê-hi-cô), Xao Pao-lô (Bra-xin), Cai-rô (Ai Cập),...

- Trong những năm gần đây, nhiều nước đang phát triển có quá trình công nghiệp hóa diễn ra nhanh, càng làm cho đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.

Em có biết: Các nước đang phát triển hầu hết đang thực hiện công nghiệp hóa, mức độ phát triển công nghiệp chưa cao, thu nhập bình quân đầu người nhìn chung còn thấp, ... Đa số các nước đang phát triển thuộc châu Phi, châu Á, Mỹ Latinh.

* *Số dân thành thị tăng nhanh dẫn đến tốc độ tăng dân số thành thị cao*

- Các nước đang phát triển có số dân thành thị tăng nhanh và ngày càng chiếm tỉ lệ cao hơn trong tổng số dân. Trong giai đoạn 1950-2020, số dân thành thị ở các nước đang phát triển tăng gấp hơn 11 lần, trong khi của các nước phát triển chỉ tăng 2,2 lần.

- Số dân thành thị ở các nước đang phát triển tăng nhanh chủ yếu do sự chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, làm cho dòng người từ nông thôn kéo ra các đô thị rất đông. Đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh hơn công nghiệp hóa.

- Tốc độ tăng dân số thành thị của các nước đang phát triển vẫn cao mặc dù có xu hướng giảm:

Giai đoạn	1950-1955	1995-2000	2015-2020
Tốc độ tăng dân số thành thị (%)	4,21	2,9	2,34

* *Tỉ lệ dân thành thị nhìn chung còn thấp và có sự khác biệt giữa các khu vực và các nước*

- Nhìn chung, tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển thấp hơn mức trung bình của thế giới. (Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển là 51,7%, trong khi của thế giới là 56,2%).

- Tuy nhiên, tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển có sự khác biệt lớn giữa các khu vực và các nước.

- Trong khi đa số các khu vực ở các nước đang phát triển có tỉ lệ dân thành thị thấp thì khu vực Nam Mỹ có tỉ lệ dân thành thị cao. Năm 2020:

Tiêu chí	Tỉ lệ dân thành thị (%)
Khu vực	

Tây Phi	29,0
Nam Á	36,6
Nam Mỹ	84,6
Bắc Mỹ	82,6
Châu Âu	74,9

- Tỷ lệ dân thành thị ở các nước đang phát triển nhìn chung là thấp, tuy nhiên một số nước vẫn có tỷ lệ dân thành thị cao.

** Số lượng các đô thị và quy mô đô thị đều tăng nhanh*

- Do sự bùng nổ dân cư và sự di cư ồ ạt từ nông thôn ra đô thị, số lượng các đô thị và quy mô đô thị ở các nước đang phát triển tăng nhanh. Số lượng đô thị ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số đô thị của thế giới (75,7% - năm 2020). Đặc biệt, số lượng các đô thị lớn và siêu đô thị tăng rất nhanh.

Năm	1950	2020
Đô thị lớn (đô thị)	1	37
Siêu đô thị (đô thị)	0	28

- Sự tăng trưởng dân số đô thị ở các nước đang phát triển chủ yếu tập trung ở các đô thị lớn và siêu đô thị.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

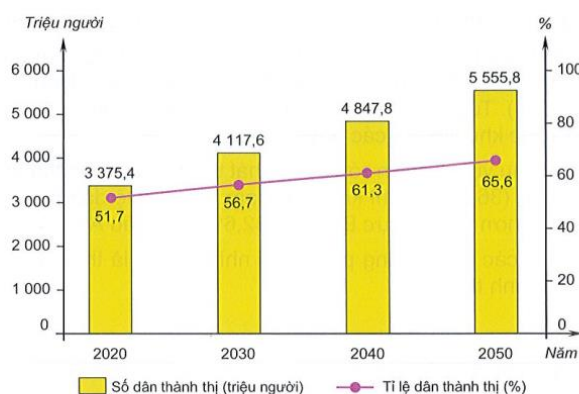
Hoạt động 2.5. Tìm hiểu đô thị hóa ở các nước đang phát triển

(Phần: Xu hướng đô thị hóa)

a) **Mục đích:** HS phân tích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động nhóm để tìm hiểu về xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển.

Nhóm	Hình/Bảng	Phân tích xu hướng
1 + 4	8	Tốc độ tăng dân số thành thị và tỷ lệ dân thành thị vẫn khá cao nhưng có xu hướng giảm dần
2 + 5		Số lượng các đô thị lớn và các siêu đô thị vẫn tiếp tục tăng
3 + 6		Trong tương lai, đô thị hóa cũng sẽ chuyển sang hướng phát triển các đô thị vệ tinh, đô thị vừa và nhỏ; hiện đại hóa và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị



Hình 8. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển năm 2020 và dự báo đến năm 2050

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Xu hướng đô thị hóa

* *Tốc độ tăng dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị vẫn khá cao nhưng có xu hướng giảm dần*

- Theo dự báo, trong giai đoạn 2020-2050, số dân thành thị ở các nước đang phát triển sẽ tăng thêm 2180,4 triệu người, trung bình mỗi năm tăng thêm hơn 70 triệu người.

- Tốc độ tăng dân số thành thị giảm:

Giai đoạn	2025-2030	2035-2040	2045-2050
Tốc độ tăng dân số thành thị (%)	1,88	1,56	1,31

- Tỉ lệ dân thành thị thấp hơn các nước phát triển nhưng số dân thành thị lại lớn hơn.

* *Số lượng các đô thị lớn và các siêu đô thị vẫn tiếp tục tăng*

- Số lượng các đô thị lớn và đô thị cực lớn vẫn tiếp tục tăng lên trong tương lai.

- Nguyên nhân: do các nước đang phát triển vẫn đang trong quá trình công nghiệp hóa và phát triển kinh tế nhanh.

- Theo dự báo, đến năm 2035, các nước đang phát triển sẽ có 40 siêu đô thị (chiếm 83,3% tổng số siêu đô thị trên thế giới), trong đó có 12 siêu đô thị từ 20 triệu dân trở lên.

* *Trong tương lai, đô thị hóa cũng sẽ chuyển sang hướng phát triển các đô thị vệ tinh, đô thị vừa và nhỏ; hiện đại hóa và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị*

- Sự phát triển nhanh các đô thị lớn và cực lớn gây nên nhiều vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Phát triển đô thị vệ tinh, đô thị vừa và nhỏ để không chế có hiệu quả dân số của các đô thị lớn và siêu đô thị, giảm sức ép về dân số, lao động, việc làm, môi trường.

- Việc tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng góp phần nâng cao vai trò của đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.6. Tìm hiểu tác động của đô thị hóa ở các nước đang phát triển

a) Mục đích: HS phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam.

Nhóm	Tác động đô thị hóa
1	Kinh tế
2	Dân cư, xã hội
3	Môi trường
4	Việt Nam

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động nhóm để tìm hiểu về tác động của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

IV. TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

1. Tác động đến kinh tế

a) Tích cực

- Đô thị hóa kéo theo sự chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang các khu vực công nghiệp và dịch vụ, từ đó thay đổi cơ cấu của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Năng suất lao động ở các khu vực công nghiệp, dịch vụ cao hơn ở khu vực nông nghiệp sẽ giúp cho thu nhập của lao động ở các khu vực phi nông nghiệp cao hơn ở khu vực nông nghiệp.
- Các đô thị là thị trường tiêu thụ lượng hàng hóa lớn và đa dạng.
- Các đô thị cũng là nơi thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- Sự phát triển đô thị dẫn tới sự phát triển hạ tầng đô thị.

b) Tiêu cực

- Quá tải về cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước,...) và hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, vui chơi giải trí,...) ở đô thị do số dân đô thị tăng nhanh.
- Tăng sự chênh lệch trong phát triển kinh tế giữa thành thị và nông thôn.

2. Tác động đến dân cư, xã hội

a) Tích cực

- Đô thị hóa tạo ra nhiều việc làm mới cho dân cư, làm thay đổi sự phân bố dân cư và lao động, thay đổi cơ cấu dân số (theo lao động, theo nghề nghiệp, theo trình độ,...), tạo nên sự chuyển biến sâu rộng trong đời sống xã hội. Nâng cao thu nhập cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.
- Đô thị hóa giúp phổ biến lối sống thành thị. Đó là lối sống với phong cách làm việc công nghiệp (khẩn trương, đúng giờ, năng suất,...), tôn trọng pháp luật (trọng ứng xử, giao thông, công việc,...),.... Những mặt tích cực trong lối sống thành thị được lan tỏa, người dân tiếp cận với phong cách sống và thiết bị sống hiện đại,...
- Đô thị hóa làm chậm tốc độ tăng tự nhiên của dân số, giúp cơ cấu dân số ổn định hơn, chất lượng dân cư cao hơn.

b) Tiêu cực

- Lao động và việc làm là những vấn đề nan giải trong quá trình đô thị hóa. Ở đô thị, nhiều người lao động không được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, không đáp ứng được nhu cầu công việc và không tìm được việc làm, dẫn tới tình trạng thất nghiệp, gây nhiều hệ lụy. Trong khi đó, nhiều vùng nông thôn thiếu lao động, đặc biệt là lao động trẻ.
- Ảnh hưởng đến nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp ở nông thôn.
- Nhà ở là vấn đề lớn đối với đô thị. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

3. Tác động đến môi trường

a) Tích cực

- Đô thị hóa gắn liền với việc mở rộng và phát triển không gian đô thị, hình thành môi trường đô thị. Đó là môi trường gồm các trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học-kỹ thuật,... tạo động lực phát triển quốc gia, lãnh thổ và nâng cao mức sống nhân dân.

b) Tiêu cực

- Phát triển đô thị, mở rộng đô thị, thay đổi mục đích sử dụng đất khiến môi trường thay đổi, một số hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nông nghiệp bị mất đi, thay vào đó là các cảnh quan nhân tạo, các công trình hạ tầng đô thị.

- Đô thị góp phần gia tăng hiệu ứng nhà kính, làm biến đổi khí hậu, đe dọa sự phát triển bền vững.

4. Tác động của đô thị hóa ở Việt Nam

a) Tích cực

- Đô thị hóa dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, tạo động lực cho phát triển kinh tế. Khu vực đô thị ngày càng đóng góp tỉ lệ lớn trong tổng GDP cả nước.

- Phát triển đô thị góp phần quan trọng vào việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Đô thị hóa đi liền với phát triển công nghiệp và dịch vụ đã tạo ra lượng việc làm lớn, tăng thu nhập cho người lao động.

- Không gian đô thị mở rộng kéo theo cơ sở hạ tầng có quy mô ngày càng lớn, chất lượng hạ tầng dần được cải thiện.

- Lối sống đô thị lan tỏa và phát huy nhiều mặt tích cực trong đời sống xã hội, nhất là ở nông thôn.

b) Tiêu cực

- Số dân đô thị tăng nhanh trong khi cơ sở hạ tầng đô thị phát triển không theo kịp đã dẫn tới những hệ lụy: ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông đô thị, tạo sức ép lên việc làm và an sinh xã hội,...

- Nhiều mặt tiêu cực của lối sống đô thị cũng lan về nông thôn, phá vỡ nhiều nét đẹp lâu đời của làng quê.

- Chênh lệch mức sống trong dân cư ngày càng lớn, ảnh hưởng tới trật tự xã hội,...

c) Một số giải pháp hạn chế tác động tiêu cực

- Đô thị hóa cần gắn liền với quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ.

- Phân bố và quy hoạch đô thị phù hợp với vị trí địa lý ở các vùng và điều kiện sinh thái tự nhiên.

- Cần có chiến lược, lộ trình quy hoạch đô thị đồng bộ. Đầu tư hoàn thiện và phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông đường bộ thuận tiện, không ách tắc và ít gây ô nhiễm môi trường.

- Ưu tiên phát triển giao thông công cộng, đặc biệt là các phương tiện giao thông công cộng hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường.

- Phát triển kinh tế ở nông thôn.

- Phát triển đô thị xanh và đô thị thông minh.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 10 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* Câu hỏi 1: Hãy so sánh đặc điểm đô thị hóa giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển.

* Câu hỏi 2: Cho bảng số liệu:

BẢNG 5. SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1950-2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1950	1970	1990	2020
Tiêu chí				
Số dân thành thị	750,9	1754,2	2868,3	4379,0
Số dân nông thôn	1785,5	2703,8	3275,2	3416,0
Tổng số dân	2356,4	4458,0	6143,5	7795,0

Hãy vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới, giai đoạn 1950-2020. Nêu nhận xét?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* Câu hỏi 1:

Đặc điểm	Các nước phát triển	Các nước đang phát triển
Thời gian	Quá trình đô thị hóa diễn ra sớm, gắn liền với công nghiệp hóa + Vào cuối thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX, cách mạng công nghiệp diễn ra, dẫn đến đô thị hóa nhanh ở nhiều nước tư bản châu Âu và Bắc Mỹ. + Sản xuất công nghiệp đòi hỏi sự tập trung cao của các xí nghiệp, tư liệu sản xuất, lực lượng lao động và các hoạt động dịch vụ đi kèm. + Nhờ quá trình đô thị hóa và quá trình công nghiệp hóa gắn liền với nhau mà các đô thị thường có quy hoạch đồng bộ về cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước,...).	Đô thị hóa diễn ra muộn, gắn liền với bùng nổ dân số và công nghiệp hóa + Sự bùng nổ dân số đã kéo theo sự “bùng nổ” đô thị hóa. + Nhiều đô thị ở các nước đang phát triển được hình thành như: Thượng Hải (Trung Quốc), Niu Đê-li (Ấn Độ), Mê-hi-cô Xi-ti (Mê-hi-cô),... + Nhiều nước đang phát triển có quá trình công nghiệp hóa diễn ra nhanh, càng làm cho đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.
Số dân	Số dân thành thị tăng nhưng tốc độ tăng dân số thành thị lại giảm + Số dân thành thị ở các nước phát triển không ngừng tăng. + Tuy nhiên, tốc độ tăng dân số thành thị ở các nước phát triển lại có xu hướng giảm.	Số dân thành thị tăng nhanh dẫn đến tốc độ tăng dân số thành thị cao + Các nước đang phát triển có số dân thành thị tăng nhanh và ngày càng chiếm tỉ lệ cao. + Số dân thành thị ở các nước đang phát triển tăng nhanh chủ yếu do sự chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị. + Đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh hơn công nghiệp hóa.

		+ Tốc độ tăng dân số thành thị của các nước đang phát triển vẫn cao mặc dù có xu hướng giảm.
Tỉ lệ thị dân	Tỉ lệ dân thành thị cao nhưng không đều giữa các khu vực, các nước + Tỉ lệ dân thành thị của phần lớn các nước phát triển đều cao hơn mức trung bình của thế giới và của các nước đang phát triển. + Các khu vực có tỉ lệ dân thành thị cao như: Bắc Mỹ, Bắc Âu, Tây Âu,... Các khu vực có tỉ lệ dân thành thị thấp hơn là Đông Á, Đông Âu. + Tỉ lệ dân thành thị cũng có sự khác nhau rõ rệt giữa các nước.	Tỉ lệ dân thành thị nhìn chung còn thấp và có sự khác biệt giữa các khu vực và các nước + Tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển thấp hơn mức trung bình của thế giới + Tỉ lệ dân thành thị của các nước đang phát triển có sự khác biệt lớn giữa các khu vực và các nước. + Tỉ lệ dân thành thị ở các nước đang phát triển nhìn chung là thấp, tuy nhiên một số nước vẫn có tỉ lệ dân thành thị cao.
Số đô thị	Số lượng đô thị tăng chậm hơn ở các nước đang phát triển + Các siêu đô thị (Niu Oóc và Tô-ky-ô) ra đời đầu tiên ở các nước phát triển. + Năm 2020 trên toàn thế giới có 34 siêu đô thị thì các nước phát triển chỉ có 6 siêu đô thị trong số đó.	Số lượng các đô thị và quy mô đô thị đều tăng nhanh + Số lượng các đô thị và quy mô đô thị ở các nước đang phát triển tăng nhanh. + Số lượng đô thị ngày càng chiếm tỉ lệ lớn trong tổng số đô thị của thế giới. Đặc biệt, số lượng các đô thị lớn và siêu đô thị tăng rất nhanh. + Sự tăng trưởng dân số đô thị ở các nước đang phát triển cũng chủ yếu tập trung ở các đô thị lớn và các siêu đô thị.

* Câu hỏi 2:

Vẽ biểu đồ

- Xử lí số liệu

+ Công thức: Tỉ trọng thành phần = Thành phần / Tổng thể $\times 100$ (%).

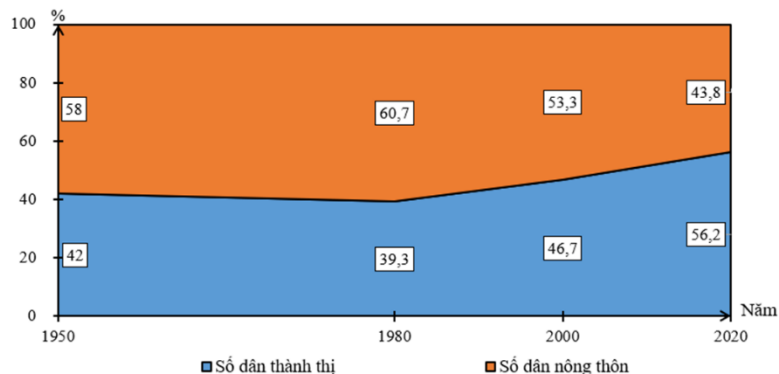
+ Áp dụng công thức, ta tính được bảng sau đây:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1950 - 2020

(Đơn vị: %)

Năm	1950	1980	2000	2020
Số dân thành thị	42	39,3	46,7	56,2
Số dân nông thôn	58	60,7	53,3	43,8

- Vẽ biểu đồ



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1950 - 2020

Nhận xét

- Dân số thành thị và nông thôn ngày càng tăng (nông thôn tăng 3628,1 triệu người; thành thị tăng 1630,5 triệu người).
- Tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn có sự thay đổi theo thời gian nhưng không ổn định.
- + Giai đoạn 1950 - 1980: dân thành thị giảm, dân nông thôn tăng.
- + Giai đoạn 1980 - 2020: dân thành thị tăng, dân nông thôn giảm.
- Trong cơ cấu, tỉ trọng dân nông thôn giảm nhanh (giảm 14,2%), còn dân thành thị tăng lên (tăng thêm 14,2%).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: Vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* Câu hỏi 1: Suir tầm thông tin tìm hiểu về một siêu đô thị thế giới.

* Câu hỏi 2: Tìm hiểu và đề xuất một số biện pháp để khắc phục một trong những vấn đề nan giải ở các đô thị lớn của nước ta hiện nay (gợi ý vấn đề: ùn tắc giao thông, tình trạng thất nghiệp, tệ nạn xã hội, di cư tự do vào đô thị, ô nhiễm môi trường đô thị,...).

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Gợi ý:

* Câu hỏi 1:

Học sinh tìm kiếm thông tin qua sách, báo và các nguồn internet đáng tin cậy.

- 10 siêu đô thị lớn nhất trên thế giới: <https://dantri.com.vn/the-gioi/10-sieu-do-thi-lon-nhat-the-gioi-1284625392.htm>

- Đô thị, lợi ích và thách thức: <https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/66697/sieu-do-thi--loi-ich-va-thach-thuc.aspx>

* Câu hỏi 2:

Học sinh tìm kiếm thông tin qua sách, báo và các nguồn internet đáng tin cậy.

- Ùn tắc giao thông ở Hà Nội, nguyên nhân và giải pháp: <https://laodong.vn/xa-hoi/un-tac-giao-thong-nghiem-trong-o-hn-phai-tim-nguyen-nhan-moi-co-giai-phap-908162.ldo>

- Di cư, dân số ở Việt Nam: <https://vietnam.unfpa.org/vi/publications>

- Ô nhiễm đô thị ở Việt Nam: <http://tainguyenmoitruong.com.vn/o-nhiem-moi-truong-thi/>

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Chuyên đề 3. Phương pháp viết báo cáo địa lí.

Nội dung:

- (I). Những vấn đề chung về báo cáo địa lí.
- (II). Các bước viết báo cáo địa lí.

